

Năm học 2014 - 2015

Họ, tên

(Thời gian 40 phút, không kể thời gian phát đề)

Lớp 4.....

Điểm bài kiểm tra	Nhận xét của giáo viên
	

Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)

Mỗi bài tập dưới đây có kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính.....). Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $\frac{15}{21} = \frac{\dots}{7}$ là:

- A. 21 B. 15 C. 7 D. 5

2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm để $5\text{m}^2 8\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ là:

- A. 58 cm^2 B. 50800 cm^2 C. 580 cm^2 D. 5008 cm^2

3. Hình bình hành có diện tích là $\frac{3}{8}\text{m}^2$, chiều cao $\frac{3}{8}\text{m}$. Độ dài đáy của hình đó là:

- A. $\frac{3}{8}\text{m}$ B. $\frac{9}{64}\text{m}$ C. 1m D. 10m

4. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000, quãng đường từ A đến B đo được 1cm. Độ dài thật của quãng đường từ A đến B là:

- A. 100 000m B. 10 000m C. 1000m D. 10m

5. Số chẵn lớn nhất có ba chữ số

- A. 998 B. 900 C. 999 D. 901

6. Số có bốn chữ số chia hết cho cả 3 và 5

- A. 4000 B. 3120 C. 5675 D. 5005

7. Trong các khoảng thời gian dưới đây, khoảng thời gian ngắn nhất là:

- A. 900 giây B. 2 phút C. $\frac{2}{5}$ phút . D. 10 phút

8. Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 7cm và 16 cm. Hình thoi đó có diện tích là:

- A. 23 cm^2 B. 56 cm^2 C. 112 cm^2 D. 46 cm^2

Phần II: Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Đặt tính rồi tính

A. $571200 - 289186$

B. 428×275

C. $13498 : 32$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (2 điểm): Tìm x

A. $\frac{2}{9} + x = 1$	B. $x + \frac{1}{2} = \frac{4}{5}$

Câu 3 (2,5 điểm): Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 18m và chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(Giáo viên khi chấm bài cần thống nhất đáp án trong tổ đáp án và biểu điểm chấm)

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	D	B	C	C	A	B	C	B
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Phần II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Đặt tính rồi tính

A. $571200 - 289186$

$$\begin{array}{r} 571200 \\ - 289186 \\ \hline 282014 \end{array}$$

B. 428×275

$$\begin{array}{r} 428 \\ \times 275 \\ \hline 2140 \\ 2996 \\ 856 \\ \hline 117700 \end{array}$$

C. $13568 : 32$

$$\begin{array}{r|l} 13568 & 32 \\ 76 & \\ \hline 128 & 424 \\ 000 & \end{array}$$

Câu 2 (2 điểm): Tìm x

A. $\frac{2}{9} + x = 1$

$$x = 1 - \frac{2}{9}$$

$$x = \frac{9}{9} - \frac{2}{9}$$

$$x = \frac{7}{9}$$

B. $x + \frac{1}{2} = \frac{4}{5}$

$$x = \frac{4}{5} - \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{8}{10} - \frac{5}{10}$$

$$x = \frac{3}{10}$$

Câu 3 (2,5 điểm)

Bài giải

Theo bài ra, hiệu số phần bằng nhau là: (0,5 điểm)

$$5 - 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng mảnh vườn là: (0,5 điểm)

$18 : 3 \times 2 = 12 \text{ (m)}$
Chiều dài mảnh vườn là : (0,5 điểm)

$18 : 3 \times 5 = 30 \text{ (m)}$
Diện tích mảnh vườn là: (0,5 điểm)

$12 \times 30 = 360 \text{ (m}^2\text{)}$
Đáp số: 360 m^2 (0,5 điểm)

Lưu ý: Tùy vào bài làm của học sinh, giáo viên cho điểm từng phần.
Bài có cách giải đúng khác vẫn cho điểm tối đa.
Tổng điểm toàn bài được làm tròn theo nguyên tắc 0,5 thành 1 điểm.